TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH A** **Tỉnh Hậu Giang**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/DS-ST
Ngày: 24/8/2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Văn Thanh

2/ Ông Võ Văn Thành

- Thư ký phiên toà: Ông Huỳnh Hoàng Tuấn – Thư ký Tòa án Nhân Dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân Dân huyện Châu Thành A tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tưởng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2022/TLST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2022/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2022/QĐST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trần Ngọc D

Địa chỉ: Tổ 13, ấp Hội T, xã Tân H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Trần Văn K

Địa chỉ: số 81 khu phố Hiệp L, phường Hiệp N, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh (có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Lê Thanh T; Nguyễn Thị H

Cùng địa chỉ: ấp Nhơn Thuận 1B, xã Nhơn Nghĩa B, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. (Anh T có mặt, chị H vắng mặt)

Người làm chứng: Lê Thanh S

Địa chỉ: ấp Nhơn Thuận 1B, xã Nhơn Nghĩa B, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang (Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/6/2022 và quá trình tố tụng tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có anh Trần Văn K trình bày: Vào ngày 20/6/2012 bà Trần Ngọc D có cho anh Lê Thanh T và chị Nguyễn Thị H vay số tiền là 55.0000.000 đồng, lãi suất do hai bên thỏa thuận. Việc mượn tiền này có lập thành văn bản và có ký thỏa thuận mượn tiền vào ngày 20/6/2012. Vào ngày 27/02/2013, bà D có tìm anh T để yêu cầu anh trả lại số tiền đã vay nhưng anh T chưa có tiền trả nên anh T có giao cho bà D 01 công đất để canh tác, khi nào có tiền trả hết nợ thì bà D trả lại đất cho anh T. Tuy nhiên, đến nay anh T vẫn chưa trả tiền, không thực hiện nghĩa vụ đóng lãi hàng tháng và tự ý lấy lại phần đất đã giao cho bà D. Nay bà D khởi kiện yêu cầu anh Lê Thanh T và chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho bà D số tiền vốn là 55.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính từ ngày 20/11/2012 đến ngày 20/5/2022 còn lại là 30.247.910 và tiền lãi phát sinh với lãi suất là 0,8%/tháng kể từ ngày 21/5/2022 đến khi anh Lê Thanh T và chị Nguyễn Thị H trả hết nợ cho bà D.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền vốn là 55.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 37.157.910 đồng. Do bị đơn đã đã đóng lãi là 22.000.000 đồng nên bị đơn còn phải trả tiền lãi cho bà D là 15.157.910 đồng và tiền vốn là 55.000.000 đồng.

Quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn anh Lê Thanh T và chị Nguyễn Thị H trình bày: Anh và chị H xác nhận có vay của bà Trần Ngọc D số tiền là 55.000.000 đồng vào ngày 20/6/2012. Do không đóng lãi nên ngày 27/02/2013 anh có giao cho bà D 01 công đất tầm 3 mét để anh không phải đóng lãi. Sau khi giao đất, bà D cho anh S thuê đất lại với giá là 2.000.000đồng/năm. Do anh có nhu cầu sử dụng đất nên ngày 01/7/2020 anh có hỏi bà D lấy đất lại để canh tác và đóng cho bà D 2.000.000 đồng/năm (tương ứng với số tiền anh S thuê đất của chị D). Năm 2021 anh có trả cho bà D 2.000.000 đồng tiền thuê đất xem như đóng lãi. Tháng 3 năm 2022 anh có trả cho bà D 20.000.000 đồng tiền vốn. Nay, anh chỉ đồng ý trả cho chị D 35.000.000 đồng.

Người làm chứng Nguyễn Thanh S trình bày: Anh có thuê đất của bà D hàng năm đóng 2.000.000 đồng, anh thuê được một thời gian thì anh trả lại cho

bà D, phần đất bị bỏ hoang khoảng hơn 01 năm thì anh T lên bờ trồng mít khoảng 02 năm nay.

Ý kiến phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật và chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý, tiến hành thu thập chứng cứ đúng pháp luật, xác định tư cách đương sự là đúng quy định của pháp luật. Trình tự thủ tục giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã tuân đúng trình tự thủ tục phiên Tòa đảm bảo quyền lợi cho các đương sự. Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị H có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Về nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Lê Thanh T, bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Trần Ngọc D số tiền vốn là 35.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 8.752.000 đồng. Kể từ ngày bà Trần Ngọc D có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Lê Thanh T, chị Nguyễn Thị H chậm trả số tiền trên thì hàng tháng chị H và anh T còn phải trả cho bà D tiền lãi chậm trả theo quy định tại Điều 357 của bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bà Trần Ngọc D khởi kiện yêu cầu anh Lê Thanh T và chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả số tiền vốn là 55.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 15.157.910 đồng. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do phía bị đơn có địa chỉ thường trú tại huyện Châu Thành A nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A theo quy định tại điểm a khoảng 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị H vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H. Đối với anh Nguyễn Thanh S tuy tòa án không triệu tập

nhưng anh có mặt tại phiên Tòa và biết rõ nội dung phần đất thuê nên Hội đồng xét xử xác định anh S là người làm chứng trong vụ án.

[2] *Về nội dung:* Xét yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn của bà Trần Ngọc D Hội đồng xét xử nhận thấy giữa bà Trần Ngọc D, anh Lê Thanh T, chị Nguyễn Thị H có giao kết hợp đồng vay tài sản, có lập thành văn bản thể hiện tại giấy mượn tiền lập vào ngày 20/6/2012 (bút lụt số 09). Theo giấy mượn tiền lập ngày 20/6/2012 có chữ ký nhận tiền của anh T, chị H xác định chị H và anh T có vay của bà D số tiền là 55.000.000 đồng, không có thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả tiền vào ngày 20/11/2012. Tại phiên tòa các đương sự không thống nhất mức lãi suất. Tuy nhiên, phía nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả mức lãi suất là 0,8% là có căn cứ có lợi cho phía bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Quá trình vay phía anh T và chị H có giao cho bà D phần đất có diện tích 01 công đất tầm 3 mét vào ngày 27/02/2013 để anh T không phải đóng lãi đều này được nguyên đơn xác nhận có nhận đất và cho lại anh Nguyễn Thanh S thuê đất. Tại phiên tòa anh S xác định thời gian thuê đất kể từ khi anh T giao đất cho bà D sau khoảng 4 tháng thì anh thuê đất trồng hoa màu. Do canh tác không có lời nên anh trả lại đất cho bà D, khoảng 01 năm sau thì anh T lên bờ canh tác đến nay, anh T xác nhận lấy lại đất vào ngày 01/7/2020. Như vậy, xác định khoảng thời gian từ ngày 27/2/2013 đến ngày 01/7/2020 anh T và chị H không phải chịu lãi suất đối với khoảng vay của bà D. Quá trình tố tụng các đương sự thống nhất anh T có chuyển 20.000.000 đồng cho bà D vào tháng 3 năm 2022 nên xác định việc chuyển tiền vào tháng 3 năm 2022 được tính trừ vào khoảng tiền gốc anh T và chị H thiếu của bà D. Do vậy, kể từ tháng 3 năm 2022 chị H và anh T còn nợ tiền gốc của bà D là 35.000.000 đồng. Do năm 2021 anh T có chuyển cho bà D tiền thuê đất là 2.000.000 đồng nên anh T, chị H không phải đóng lãi năm 2020.

Xét yêu cầu tính lãi suất của bà D Hội đồng xét xử nhận thấy từ ngày 20/6/2012 đến ngày 26/2/2013 phía anh T và chị H chưa thực hiện việc đóng lãi cho bà D nên anh T, chị H phải chịu lãi suất từ ngày 20/6/2012 đến ngày 26/02/2013 là 08 tháng sáu ngày x 55.000.000 đồng x 0,8% = 3.607.600 đồng; Lãi suất từ ngày 01/7/2021 đến ngày 28/02/2022 là 07 tháng, 27 ngày x 55.000.000 đồng x 0,8% = 3.474.000 đồng. từ ngày 01/3/2022 ngày 24/8/2022 là 5 tháng 23 ngày x 35.000.000 đồng = 1.614.000 đồng. Như vậy yêu cầu tính lãi của bà D Hội đồng xét xử chấp nhận một phần buộc anh T và chị H có nghĩa vụ trả cho bà D số tiền lãi là 8.695.600 đồng.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên nguyên đơn phải chịu án phí phần không được chấp nhận cụ thể. Cụ thể 5% x (20.000.000 đồng + 6.462.000 đồng) = 1.323.100 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên phần được chấp nhận phía bị đơn phải chịu án phí cụ thể: 5% x (35.000.000 + 8.695.600 đồng) = 2.184.780 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Lê Thanh T, chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Trần Ngọc D số tiền vốn là 35.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 8.695.600 đồng Về án phí phía nguyên đơn phải chịu phần không được chấp nhận, bị đơn phải chịu án phí phần nguyên đơn được chấp nhận là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 147 Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 12, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Ngọc D. Buộc anh Lê Thanh T, chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Trần Ngọc D số tiền vốn là 35.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 8.695.600 đồng. Kể từ ngày bà Trần Ngọc D có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Lê Thanh T, chị Nguyễn Thị H chậm trả số tiền trên thì hàng tháng anh Lê Thanh T và chị Nguyễn Thị H còn phải trả cho bà Trần Ngọc D tiền lãi chậm trả theo quy định tại Điều 357 của bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Ngọc D phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.323.100 đồng. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 1.880.500 đồng bà D đã nộp theo biên lai số 0011965 ngày 15/6/2022 của chi cục thi hành án dân sự huyện

Châu Thành A nên bà D được nhận lại 557.400 đồng. Anh Lê Thanh T, chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí 2.184.780 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyết định yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 24 tháng 8 năm 2022. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Đua

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- Lưu hồ sơ vụ án.